

Bản án số: 86/2026/HS-PT
Ngày: 30-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Bắc

Ông Hoàng Trí Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hào - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 683/2025/HSPT ngày 05/11/2025 đối với bị cáo Nguyễn Duy P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Duy P; sinh ngày 19/3/1993 tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; gia đình bị cáo có 02 người con, bị cáo là con thứ nhất; vợ là Nguyễn Cao T1, sinh năm 1994; bị cáo có 01 người con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt ngày 20/02/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01, Công an Thành phố H (có mặt).

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đinh Thị Bé M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2022, Lê Công T2 quen biết với Nguyễn Duy P, quá trình chơi chung T2 biết P bán ma túy. Đến khoảng tháng 10/2024, do không có công việc làm ổn định nên T2 nảy sinh ý định mua ma túy của P về chia nhỏ bán lại cho các đối

tượng nghiền trên địa bàn thành phố V kiểm lời và sử dụng cho bản thân. T2 đã mua ma túy của P 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 16/10/2024, T2 liên hệ với P qua mạng xã hội T3, tên tài khoản “Thiên Hào” hỏi mua 02 hộp ma túy khay và được P báo giá là 7.000.000 đồng/01 hộp, T2 đồng ý mua và chuyển số tiền 28.000.000 đồng (trong đó 14.000.000 đồng là tiền mua ma túy và 14.000.000 đồng là tiền T2 mượn P trước đó) từ tài khoản Ngân hàng TMCP Q (M1) số 0961973885 của T2 qua tài khoản Ngân hàng TMCP Đ (D) số 0111063061 mang tên "Nguyen Trong Huu" cho P. Nhận được tiền, P liên hệ với đối tượng tên “H” (không rõ lai lịch) hỏi mua 02 hộp ma túy khay với giá 11.000.000 đồng và được Hiệp đồng ý bán. H hẹn P đến khu vực cầu vượt Q, quận A, thành phố Hồ Chí Minh để lấy ma túy. Chiều cùng ngày, P đến điểm hẹn gặp H lấy ma túy và mang về nhà tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre cất giấu. Đến sáng ngày 17/10/2024, P để 02 gói ma túy cùng với 02 bịch nước giặt và đóng gói trong 01 thùng bìa Carton gửi qua dịch vụ vận chuyển xe khách xuống thành phố V cho T2. Đến chiều cùng ngày, T2 đến bến xe V lấy ma túy mang về căn hộ A Chung cư S cất giấu. Sau đó, T2 lấy ra một ít sử dụng và chia nhỏ bán cho đối tượng tên “Anh” (không rõ lai lịch) 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 1.100.000 đồng và bán cho đối tượng tên “T4” (không rõ lai lịch) 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy dạng khay với giá 1.400.000 đồng, trong 04 lần bán ma túy cho A và T4, T2 giao ma túy tại khu vực Đình Thắng T, trên đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) và nhận tiền mua ma túy bằng tiền mặt.

Lần thứ hai: vào ngày 28/12/2024, T2 liên hệ với P hỏi mua 03 hộp ma túy đá khay và được P báo giá là 6.000.000 đồng/01 hộp, T2 đồng ý mua và chuyển số tiền 20.000.000 đồng (trong đó 18.000.000 đồng là tiền mua ma túy và 2.000.000 đồng là tiền T2 mượn P trước đó), từ tài khoản Ngân hàng M1 số 072733838 của T2 qua tài khoản Ngân hàng D số 0111063061 mang tên Nguyễn Trọng H1 cho P. Sau khi nhận tiền, P tiếp tục liên hệ với H mua 03 hộp ma túy khay với giá 17.000.000 đồng. Với cách thức giao dịch và địa điểm nhận ma túy như lần thứ nhất, P mua được ma túy và mang về nhà cất giấu. Đến khoảng 11 giờ ngày 29/12/2024, P để 03 gói ma túy cùng với 02 bịch nước giặt và đóng gói trong 01 thùng bìa Carton gửi qua dịch vụ vận chuyển xe khách xuống thành phố V cho T2. Chiều cùng ngày, T2 đến bến xe V lấy ma túy mang về căn hộ A Chung cư S chia nhỏ thành 35 gói ma túy. Đến tối ngày 16/01/2025, T2 lấy một chiếc đĩa sứ màu trắng và một tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn thành ống hút, lấy ma túy khay để lên đĩa sử dụng một mình. Đến khoảng 10 giờ 50 phút ngày

17/01/2025, T2 bị Cơ quan Công an kiểm tra bắt quả tang, thu giữ tang vật như sau:

- 35 gói nylon (dạng túi zip), bên trong có chứa tinh thể màu trắng (T2 khai nhận là ma túy Ketamine);
- 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, bên trên có chứa chất bột màu trắng, Cơ quan Công an đã gom vào một gói nylon dạng túi zip để bảo quản;
- 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn dạng ống hút;
- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xám, số Imei: 35101609030642, số Imei 2: 351016090326332.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, T2 khai nhận số ma túy thu giữ trên là của T2 mua của đối tượng tên “Hữu” vào ngày 28/12/2024 qua ứng dụng mạng xã hội Telegram nhằm mục đích sử dụng cho bản thân và bán lại cho các đối tượng nghiện kiếm lời. Mở rộng điều tra vụ án, Cơ quan Công an xác định đối tượng tên “Hữu” có nhân thân lai lịch là Nguyễn Duy P nên đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Duy P về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tiến hành khám xét nơi ở của P thu giữ 01 chiếc điện thoại di động Iphone X, màu đen, số I 357233090243839 có liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định số: 160/KL-KTHS ngày 24/01/2025 của Phòng K1, Công an tỉnh B (bút lục điều tra số 62) kết luận đối với tang vật thu giữ của Lê Công T2, tổng cộng 40,0758 gam ma túy loại Ketamine, cụ thể:

- Mẫu A1 có khối lượng 29,9292 gam, là ma túy, loại Ketamine.
- Mẫu A2 có khối lượng 9,8987 gam, là ma túy, loại Ketamine.
- Mẫu A3 có khối lượng 0,2479 gam, là ma túy, loại Ketamine.

Quá trình điều tra, Lê Công T2 khai nhận hành vi phạm tội, công nhận kết quả giám định, khẳng định đã 02 lần mua ma túy của Nguyễn Duy P nhằm mục đích sử dụng và chia nhỏ ma túy bán cho đối tượng tên “Anh” (không rõ lai lịch) 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 1.100.000 đồng và bán cho đối tượng tên “T4” (không rõ lai lịch) 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy dạng khay với giá 1.400.000 đồng.

Trong suốt quá trình điều tra và tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai vào các ngày 20/02/2025; ngày 26/02/2025; ngày 21/4/2025; ngày 10/5/2024 thì bị cáo Nguyễn Duy P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của hai lần bán ma túy cho Lê Công T2 vào ngày 16/10/2024 và ngày 28/12/2024 như bị cáo T2 khai nhận.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã thu thập được tài liệu chuyển khoản, ghi nhận việc T2 đã chuyển khoản 02 lần vào các ngày 16/10/2024 chuyển 14.000.000 đồng tiền mua ma túy và ngày 28/12/2024 chuyển 18.000.000 đồng tiền mua ma túy vào tài khoản của Nguyễn Trọng H1

là em ruột của P. P và H1 đều xác nhận việc H1 nhận tiền từ T2 chuyển và đưa lại cho P.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được chứng cứ là sao kê các giao dịch chuyển tiền tại Ngân hàng từ bị cáo T2 tới tài khoản của H1, H1 chuyển tiền cho bị cáo P.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã trích xuất hình ảnh từ điện thoại của T2 gửi tới tên E Bt1 (số điện thoại 0982266715) của P có nội dung: P gửi số tài khoản Ngân hàng Đ 0111063061 tên Nguyễn Trọng H1 cho T2. T2 gửi hình ảnh đã chuyển tiền thành công 28 triệu ngày 16/10/2024. P xác nhận đã nhận.

Quá trình điều tra, T2 và P đều khai nhận sau khi nhận được tiền, thì các ngày 17/10/2024, ngày 29/12/2024, P đã chuyển ma túy được giấu trong thùng nước giặt chuyển từ Bến Tre đến Vũng Tàu cho T2 qua nhà xe Văn Tín xe biển số 71E.00144. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã thu thập xác định được nhà xe V có lái xe Nguyễn Thanh S, phụ xe Nguyễn Hữu T5 chạy xe biển số 71E.00144 tuyến từ Bến Tre đến thành phố V là có thật.

Các bị cáo đã được cho nhận dạng nhau, được tiếp cận các hình ảnh trích xuất từ điện thoại của T2 và P. Các bị cáo đã xác nhận hình ảnh trích xuất từ điện thoại của mình là đúng, có nội dung về việc mua bán ma túy.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm b, n khoản 2 Điều 251; Điều 38; khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy P 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù được tính từ ngày 20 tháng 02 năm 2025.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với bị cáo Lê Công T2, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Ngày 01/10/2025 bị cáo Nguyễn Duy P kháng cáo kêu oan.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo trình bày bị cáo không bán ma túy cho bị cáo Lê Công T2, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không có tội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 10 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, n khoản 2 Điều 251

Bộ luật Hình sự là phù hợp, đúng người, đúng tội. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo kêu oan, cho rằng bản thân không bán ma túy cho T2, tuy nhiên không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: sau khi phân tích, đánh giá luật sư cho rằng chưa đủ căn cứ kết tội bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ Bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Bị cáo đồng ý với nội dung bào chữa của luật sư.

5. Nói lời sau cùng: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P làm và gửi trong thời hạn luật định nên hợp lệ, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, các chứng cứ đã được thẩm tra có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện:

Lê Công T2 quen Nguyễn Duy P vào khoảng năm 2022, quá trình chơi chung T2 biết P bán ma túy. Đến khoảng tháng 10/2024, do không có công việc làm ổn định nên T2 mua ma túy của P về sử dụng và chia nhỏ bán lại cho các đối tượng nghiện trên địa bàn thành phố V kiếm lời. T2 đã mua ma túy của P 02 lần vào ngày 16/10/2024 và ngày 28/12/2024 cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 16/10/2024, T2 liên hệ với P qua mạng xã hội T3, tên tài khoản “Thiên Hào” hỏi mua 02 hộp ma túy khay và được P báo giá là 7.000.000 đồng/01 hộp, T2 đồng ý mua và chuyển số tiền 28.000.000 đồng (trong đó: 14.000.000 đồng là tiền mua ma túy và 14.000.000 đồng là tiền T2 mượn P trước đó) từ tài khoản Ngân hàng TMCP Q (M1) số 0961973885 của T2 qua tài khoản Ngân hàng TMCP Đ (D) số 0111063061 mang tên "Nguyen Trong Huu" cho P. Nhận được tiền, P liên hệ với đối tượng tên “H” (không rõ lai lịch) hỏi mua 02 hộp ma túy khay với giá 11.000.000 đồng và được Hiệp đồng ý bán. H hẹn P đến khu vực cầu vượt Q, thuộc Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để lấy ma túy. Chiều cùng ngày, P đến điểm hẹn gặp H lấy ma túy và mang về nhà tại Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre cất giấu. Đến sáng ngày 17/10/2024, P để 02 gói ma túy cùng với 02 bịch nước giặt và đóng gói trong 01 thùng bìa

Carton gửi qua dịch vụ vận chuyển xe khách xuống thành phố V cho T2. Đến chiều cùng ngày, T2 đến bến xe V lấy ma túy mang về căn hộ A Chung cư S cất giấu. Sau đó, T2 lấy ra một ít sử dụng và chia nhỏ bán cho đối tượng tên “Anh” (không rõ lai lịch) 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 1.100.000 đồng và bán cho đối tượng tên “T4” (không rõ lai lịch) 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy dạng khay với giá 1.400.000 đồng, trong 04 lần bán ma túy cho A và T4, T2 giao ma túy tại khu vực Đình Thắng T, trên đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) và nhận tiền mua ma túy bằng tiền mặt.

Lần thứ hai: vào ngày 28/12/2024, T2 liên hệ với P hỏi mua 03 hộp ma túy đá khay và được P báo giá là 6.000.000 đồng/01 hộp, T2 đồng ý mua và chuyển số tiền 20.000.000 đồng (trong đó: 18.000.000 đồng là tiền mua ma túy và 2.000.000 đồng là tiền T2 mượn P trước đó), từ tài khoản Ngân hàng M1 số 072733838 của T2 qua tài khoản Ngân hàng D số 0111063061 mang tên Nguyễn Trọng H1 cho P. Sau khi nhận tiền, P tiếp tục liên hệ với H mua 03 hộp ma túy khay với giá 17.000.000 đồng. Với cách thức giao dịch và địa điểm nhận ma túy như lần thứ nhất, P mua được ma túy và mang về nhà cất giấu. Đến khoảng 11 giờ ngày 29/12/2024, P để 03 gói ma túy cùng với 02 bịch nước giặt và đóng gói trong 01 thùng bìa Carton gửi qua dịch vụ vận chuyển xe khách xuống thành phố V cho T2. Chiều cùng ngày, T2 đến bến xe V lấy ma túy mang về căn hộ A Chung cư S chia nhỏ thành 35 gói ma túy. Đến tối ngày 16/01/2025, T2 lấy một chiếc đĩa sứ màu trắng và một tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn thành ống hút, lấy ma túy khay để lên đĩa sử dụng một mình. Đến khoảng 10 giờ 50 phút ngày 17/01/2025, T2 bị Cơ quan Công an kiểm tra bắt quả tang tàng trữ trái phép 40,0758 gam ma túy loại Ketamine.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Duy P đã được Toà án cấp sơ thẩm xác định phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b,n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] *Về kháng cáo kêu oan của bị cáo:*

Quá trình điều tra, bị cáo P đều khai nhận 02 (hai) lần bán ma túy cho bị cáo T2, cụ thể: sau khi nhận được tiền, thì các ngày 17/10/2024, ngày 29/12/2024, P đã chuyển ma túy được giấu trong thùng nước giặt chuyển từ Bến Tre đến Vũng Tàu cho T2 qua nhà xe Văn Tín, biển số 71E.00144 đúng như lời khai của bị cáo T2. Tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, P cho rằng bản thân bị điều tra viên treo tay, đe dọa, mớm cung trong quá trình lấy lời khai nên bị cáo mới khai nhận tội, theo hướng bất lợi cho mình; tuy nhiên, bị cáo không có chứng cứ chứng minh nội dung này. Tại các bản tự khai (do bị cáo viết) và các biên bản lời khai khác, bị cáo đều thừa nhận hành vi 02 lần bán ma túy cho T2.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo P khai chỉ bị treo tay, đe dọa, mớm cung duy nhất 01 lần vào ngày 20/02/2025, cụ thể bị điều tra viên tên T6 và P1 treo tay lên cửa sổ, đe dọa và ép bị cáo viết, khai nhận tội theo lời hướng dẫn của điều tra viên. Tuy nhiên, các bản tự khai chính do bị cáo viết ngày 26/02/2024, ngày 21/4/2025, ngày 10/5/2025 (những ngày bị cáo khai không bị ép cung, nhục hình, đe dọa) thì bị cáo đều tự khai hành vi bán ma túy cho T2 02 lần; bị cáo P thừa nhận không bị Điều tra viên Nguyễn Văn T7 nhục hình, ép cung và tại biên bản hỏi cung bị cáo P các ngày 21/4/2025, ngày 10/5/2025 do Điều tra viên Nguyễn Văn T7 ghi biên bản thì bị cáo P khai nhận rõ ràng, cụ thể về hành vi 02 lần bán ma túy cho T2 như cáo trạng truy tố.

Tại Biên bản ghi nhận tình trạng sức khỏe người bị tạm giữ Nguyễn Duy P lúc 21 giờ 50 phút, ngày 20/02/2025 và Phiếu khám sức khỏe người bị tạm giữ ngày 21/02/2025 của Nhà Tạm giữ Công an thành phố V thể hiện bị cáo P sức khỏe bình thường, cơ thể không có dấu vết hay thương tích, chỉ có 01 sẹo cũ khớp khuỷu tay phải 2cmx2cm. Do đó, việc bị cáo P khai bị nhục hình là không đúng;

Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, P không thừa nhận hành vi mua bán ma túy nhưng lời khai nhận của P trong suốt quá trình điều tra phù hợp chứng cứ thu thập của Cơ quan Cảnh sát điều tra khi bắt quả tang bị cáo T2 tàng trữ trái phép chất ma túy, phù hợp với lời khai của T2, phù hợp với lời khai của Nguyễn Trọng H1, phù hợp với trích xuất điện thoại của T2 và P, phù hợp với giao dịch chuyển tiền và phù hợp với toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định bị cáo P bán ma túy 02 lần cho bị cáo T2. Bị cáo T2 dùng ma túy đã mua của P để bán 04 lần cho đối tượng A và T4. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b,n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn xã hội và chế độ quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Bị cáo nhận thức rõ ma túy đá, cụ thể là K là chất gây nghiện, rất độc hại và hiện nay đang là hiểm họa xã hội, là nguyên nhân của nhiều loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương và cho sức khỏe của nhiều người sử dụng ma túy. Nhưng vì nhu cầu ích kỷ, tư lợi của bản thân, ý thức coi thường pháp luật và các chuẩn mực đạo đức xã hội nên bị cáo P đã mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Toà án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét đầy đủ vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân

của bị cáo và xử phạt bị cáo 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là phù hợp, đúng người, đúng tội. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới, do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

[4] *Về án phí hình sự phúc thẩm:*

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Căn cứ điểm b, n khoản 2 Điều 251; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù được tính từ ngày 20 tháng 02 năm 2025.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Duy P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 11, TP HCM;
- VKSND khu vực 11, TP HCM;
- Phòng THADS khu vực 11, TP HCM;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Toà HS, VP (59).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hiếu



